

Số: **52** /2017/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **29** tháng **12** năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân công, phân cấp về bảo trì công trình và quy trình quản lý, khai thác, sử dụng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

### UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư 03/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1729/TTr-SXD ngày 15 tháng 12 năm 2017,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp về bảo trì công trình và quy trình quản lý, khai thác, sử dụng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2.** Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày **15** tháng **01** năm 2018 và thay thế Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (t/h);
- VP Chính phủ;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh Ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu VT, NCKSTT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Hải**

## QUY ĐỊNH

**Phân công, phân cấp về bảo trì công trình và quy trình quản lý, khai thác, sử dụng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

### Chương I

## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp, phân công trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình trong việc bảo trì công trình và quy trình quản lý, khai thác, sử dụng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

#### 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bảo trì, quản lý, khai thác, sử dụng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

### Điều 2. Nguyên tắc phân công, phân cấp về bảo trì công trình xây dựng

1. Việc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý, khai thác, sử dụng công trình xây dựng đảm bảo nguyên tắc thống nhất, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót đối tượng quản lý, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

2. Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình theo phân công, phân cấp tại Quy định này nếu không tổ chức thực hiện bảo trì công trình theo quy định này thì tùy vào mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

### Chương II

## PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP VỀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

### Điều 3. Đối với công trình dân dụng

1. Trách nhiệm bảo trì công trình nhà ở thực hiện theo quy định của Luật Nhà ở và các văn bản hướng dẫn Luật Nhà ở của Trung ương và địa phương.

## 2. Công trình giáo dục:

a) Các Trường trung học phổ thông, Trường THPT chuyên, Trung tâm giáo dục thường xuyên, kỹ thuật hướng nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện công tác bảo trì.

b) Các Trường cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và Trường dạy nghề thuộc cấp tỉnh quản lý do các đơn vị được giao quản lý, sử dụng có trách nhiệm tổ chức bảo trì công trình.

c) Các Trường từ ngành học mầm non đến trung học cơ sở; các Trung tâm dạy nghề - giáo dục thường xuyên, bồi dưỡng chính trị thuộc cấp huyện quản lý do các đơn vị được giao quản lý, sử dụng có trách nhiệm tổ chức bảo trì công trình theo hình thức sửa chữa đột xuất; đối với sửa chữa định kỳ lập danh mục trình Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, tổ chức bảo trì.

## 3. Công trình y tế:

a) Các cơ sở y tế, bệnh viện đa khoa, chuyên khoa thuộc ngân sách cấp tỉnh đầu tư do Sở Y tế tổng hợp, tổ chức bảo trì.

b) Các cơ sở y tế thuộc ngân sách cấp huyện đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, tổ chức bảo trì.

## 4. Công trình thể thao, công trình văn hóa:

a) Các công trình thể thao, công trình văn hóa thuộc ngân sách cấp tỉnh đầu tư do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp, tổ chức bảo trì.

b) Các công trình thể thao, công trình văn hóa thuộc ngân sách cấp huyện đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, tổ chức bảo trì.

5. Công trình trụ sở làm việc của các cơ quan quản lý hành chính, sự nghiệp cấp tỉnh (kể cả các đơn vị trực thuộc do ngành tỉnh quản lý), trụ sở làm việc của các cơ quan Đảng cấp tỉnh, huyện, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện); trụ sở làm việc của các cơ quan quản lý hành chính cấp huyện (kể cả các đơn vị trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; các ban, ngành, đoàn thể và đơn vị sự nghiệp tương đương thuộc cấp huyện), trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn do các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng có trách nhiệm tổ chức bảo trì công trình.

6. Công trình có nhiều chủ sở hữu, chủ quản lý, sử dụng phần riêng của công trình có trách nhiệm bảo trì phần sử dụng riêng của mình và có trách nhiệm phối hợp với các chủ sở hữu, chủ quản lý, sử dụng khác bảo trì phần sử dụng chung công trình theo quy định.

7. Nguồn vốn: kinh phí bảo trì từ nguồn vốn đầu tư phát triển theo phân cấp; nguồn vốn sự nghiệp và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được giao hàng năm cho đơn vị quản lý sử dụng. Đối với các đơn vị quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thì kinh phí bảo trì do ngân sách cấp; đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên thì kinh phí bảo trì do đơn vị tự thực hiện.

## **Điều 4. Đối với công trình công nghiệp**

1. Công trình sản xuất vật liệu xây dựng: Người đại diện theo pháp luật của đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác có trách nhiệm bảo trì công trình theo nguồn vốn của mình.

### **2. Đối với công trình đường dây và trạm biến áp**

a) Đơn vị truyền tải điện, phân phối điện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, kinh phí cải tạo, nâng cấp, bảo trì các đường dây, trạm biến áp, mạng truyền tải và phân phối điện hiện có để đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) hoặc tiêu chuẩn nước ngoài tương đương hoặc cao hơn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép áp dụng tại Việt Nam.

b) Tổ chức, cá nhân có đường dây, trạm biến áp riêng chịu trách nhiệm đầu tư để cải tạo, nâng cấp, bảo trì đường dây, trạm biến áp của mình khi đơn vị truyền tải điện, phân phối điện xác định đường dây, trạm biến áp riêng đó không bảo đảm tiêu chuẩn vận hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

## **Điều 5. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật**

### **1. Công trình cấp nước**

Đơn vị được giao quản lý công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung có trách nhiệm tổ chức bảo trì đối với các công trình do ngân sách nhà nước đầu tư và thuộc quyền quản lý, khai thác của đơn vị.

2. Công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị được đầu tư theo hình thức BOT (Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao), BTO (Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh) thì người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp dự án chịu trách nhiệm bảo trì công trình trong thời gian quản lý khai thác. Sau khi chuyển giao cho đơn vị quản lý khai thác thì Thủ trưởng đơn vị đó chịu trách nhiệm bảo trì.

Riêng các công trình đầu tư theo hình thức BT (Xây dựng - Chuyển giao) thì trách nhiệm bảo trì thuộc về cơ quan quản lý, khai thác công trình.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật trong các khu, cụm công nghiệp, đơn vị quản lý, kinh doanh hạ tầng có trách nhiệm bảo trì từ nguồn kinh phí cho thuê hạ tầng.

### **4. Công trình thông tin:**

a) Các công trình thông tin thuộc ngân sách cấp tỉnh đầu tư do Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, tổ chức bảo trì.

b) Các công trình thông tin thuộc ngân sách cấp huyện đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, tổ chức bảo trì.

5. Công trình Đài phát thanh và truyền hình tỉnh do Đài phát thanh và truyền hình bảo trì.

6. Công trình thuộc sở hữu Nhà nước thì người được giao quản lý có trách nhiệm tổ chức bảo trì; nguồn vốn ngân sách để thực hiện bảo trì theo phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư.

7. Công trình do cấp huyện đầu tư trên địa bàn hoặc do tổ chức, cá nhân đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị và bàn giao cho chính quyền địa phương

quản lý, sử dụng thì Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã có trách nhiệm tổ chức bảo trì bằng nguồn vốn ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã.

8. Công trình thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì chủ sở hữu công trình có trách nhiệm bảo trì.

### **Điều 6. Đối với công trình giao thông**

1. Đối với hệ thống đường tỉnh do Sở Giao thông vận tải tổ chức bảo trì từ nguồn kinh phí bảo trì đường bộ và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Đối với công trình giao thông đô thị, hệ thống đường huyện, đường xã do UBND cấp huyện tổ chức thực hiện bảo trì bằng nguồn vốn ngân sách cấp huyện và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3. Đối với đường thôn và đường dân sinh do UBND cấp xã tổ chức thực hiện bảo trì bằng nguồn vốn ngân sách được phân cấp, vốn nhà nước và nhân dân cùng làm.

4. Đối với công trình giao thông được đầu tư theo hình thức BOT (Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao), BTO (Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh) thì người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp dự án chịu trách nhiệm bảo trì công trình trong thời gian khai thác kinh doanh quy định trong hợp đồng dự án. Sau khi chuyển giao cho đơn vị quản lý khai thác thì Thủ trưởng đơn vị đó chịu trách nhiệm bảo trì; các công trình đầu tư theo hình thức BT (Xây dựng - Chuyển giao), các công trình do tổ chức, cá nhân, mạnh thường quân đầu tư thì trách nhiệm bảo trì thuộc về cơ quan quản lý, khai thác công trình.

### **Điều 7. Đối với công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn**

1. Các công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Bắc Kạn bảo trì theo phân cấp bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh.

2. Đối với công trình trạm, trại nghiên cứu và cải tạo giống cây, con; trạm kiểm dịch động vật, thực vật thuộc cấp tỉnh quản lý do Thủ trưởng các đơn vị được giao quản lý, sử dụng có trách nhiệm tổ chức bảo trì bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh.

3. Đối với công trình trại giống cây, con thuộc cấp huyện quản lý; các kênh thủy lợi trên địa bàn huyện, trừ các kênh phân cấp cho cấp xã quản lý do cấp huyện tổ chức bảo trì bằng nguồn vốn ngân sách được phân cấp.

4. Đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã đầu tư trên địa bàn xã, phường, thị trấn; các công trình nông nghiệp, thủy lợi không do cấp tỉnh, cấp huyện quản lý thì do cấp xã tổ chức bảo trì bằng nguồn vốn ngân sách được phân cấp, vốn nhà nước và nhân dân cùng làm.

**Điều 8.** Đối với công trình quốc phòng, an ninh do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh tổ chức thực hiện bảo trì theo phân cấp quản lý giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương.

**Điều 9.** Đối với công trình của các cơ quan do Trung ương quản lý, đóng trên địa bàn tỉnh và các công trình khác không thuộc quy định từ Điều 3 đến

Điều 8: Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm bảo trì theo nguồn vốn được ngân sách cấp hoặc nguồn vốn của mình.

**Điều 10.** Người có trách nhiệm bảo trì công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự cố hay xuống cấp của công trình do không thực hiện bảo trì theo các quy định hiện hành về bảo trì công trình.

### **Chương III**

## **QUY TRÌNH QUẢN LÝ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH**

### **Điều 11. Tiếp nhận và quản lý hồ sơ quy trình bảo trì công trình**

1. Chủ đầu tư tổ chức lập một bộ hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, bàn giao cho chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình.

2. Đơn vị được giao quản lý, khai thác, sử dụng công trình thực hiện bảo trì công trình xây dựng; điều chỉnh quy trình bảo trì xây dựng quản lý chất lượng công việc bảo trì công trình xây dựng; lập và quản lý hồ sơ bảo trì công trình xây dựng.

### **Điều 12. Trình tự thực hiện bảo trì công trình xây dựng**

1. Lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng

a) Nội dung chính của quy trình bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP*)

b) Trách nhiệm lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

c) Điều chỉnh quy trình bảo trì công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

d) Đối với các công trình xây dựng đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì thì chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng, có thể tổ chức kiểm định chất lượng công trình xây dựng làm cơ sở để lập quy trình bảo trì công trình xây dựng nếu cần thiết. Trong quy trình bảo trì phải xác định rõ thời gian sử dụng còn lại của công trình.

2. Lập kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình xây dựng

a) Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình lập kế hoạch bảo trì công trình xây dựng hằng năm trên cơ sở quy trình bảo trì được phê duyệt và hiện trạng công trình.

Nội dung chính của kế hoạch bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

b) Lập dự toán bảo trì công trình

- Dự toán bảo trì công trình được lập căn cứ trên cơ sở khối lượng các công việc xác định theo kế hoạch bảo trì và đơn giá xây dựng theo quy định của cấp có thẩm quyền phục vụ bảo trì công trình xây dựng để thực hiện khối lượng công việc đó.

- Đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị có chi phí dưới 500 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thì chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình thực hiện trình tự, thủ tục theo Hướng dẫn liên ngành số 02/HDLN/TC-XD-KBNN ngày 04/11/2016 của các Sở Tài chính, Xây dựng và Kho Bạc Nhà nước tỉnh Bắc Kạn.

- Đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thì chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

- Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tự tổ chức lập dự toán kinh phí bảo trì công trình nếu đủ điều kiện năng lực hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện năng lực thực hiện.

3. Thực hiện bảo trì và quản lý chất lượng công việc bảo trì

a) Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình thường xuyên kiểm tra công trình, định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện kịp thời các dấu hiệu xuống cấp, những hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc bảo dưỡng công trình.

b) Thực hiện việc sửa chữa công trình

- Sửa chữa nhỏ được thực hiện thường xuyên khi phát hiện bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình bị hư hỏng.

- Việc sửa chữa lớn được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng hiện hành.

c) Kiểm định chất lượng công trình và quan trắc công trình phục vụ công tác bảo trì thực hiện theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 40 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

d) Quản lý chất lượng công việc bảo trì công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

4. Đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình.

a) Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tổ chức đánh giá định kỳ về an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình và gửi kết quả đánh giá đến Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra đối với công trình trên địa bàn từ cấp II trở xuống theo chuyên ngành quản lý.

b) Nội dung đánh giá bao gồm: Đánh giá về an toàn chịu lực và an toàn vận hành trong quá trình khai thác, sử dụng của công trình.

c) Chi phí thực hiện việc đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác sử dụng bao gồm chi phí kiểm định chất lượng, chi phí thuê chuyên gia và các chi phí cần thiết khác do chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình chi trả và được tính vào chi phí bảo trì công trình xây dựng.

5. Lập và quản lý hồ sơ bảo trì công trình xây dựng

a) Hồ sơ bảo trì công trình xây dựng bao gồm các tài liệu theo quy định tại khoản 8 Điều 41 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

b) Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ này trong suốt quá trình khai thác, sử dụng công trình.

### **Điều 13. Chi phí bảo trì công trình xây dựng**

Nguồn kinh phí; chi phí lập, thẩm tra quy trình bảo trì công trình xây dựng và quản lý, thanh toán, quyết toán chi phí bảo trì công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về bảo trì công trình xây dựng**

1. Sở Xây dựng

a) Triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về công tác bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn; kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình, kết quả thực hiện công tác bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn thực hiện bảo trì công trình dân dụng và đánh giá sự an toàn chịu lực và đánh giá sự an toàn trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình dân dụng (trừ công trình di tích lịch sử văn hóa); công trình công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

c) Phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức xây dựng và công bố các định mức xây dựng phục vụ công tác bảo trì phù hợp với đặc thù của địa phương và gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi, quản lý.

2. Sở Tài chính

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh nguồn kinh phí bố trí cho công tác bảo trì đối với các công trình thuộc sở hữu nhà nước do tỉnh quản lý; trong đó, hằng năm thực hiện bố trí kinh phí bảo trì trong dự toán kinh phí của đơn vị quản lý, sử dụng công trình trên cơ sở định mức chi phí theo tỷ lệ phần trăm (%) như hướng dẫn tại Phụ lục Thông tư 03/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 3 năm 2017

của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng (Sau đây gọi tắt là Thông tư 03/2017/TT-BXD).

b) Hướng dẫn Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện bố trí kinh phí cho công tác bảo trì của cấp huyện.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ban ngành đoàn thể tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh danh mục công trình và nguồn vốn bố trí cho công tác bảo trì đối với các công trình thuộc sở hữu nhà nước do tỉnh quản lý, trên cơ sở xem xét đề nghị của các đơn vị liên quan trực tiếp quản lý, sử dụng công trình hoặc cơ quan chủ quản của các đơn vị này; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, khảo sát thực tế các công trình trong trường hợp cần thiết, để làm cơ sở xây dựng danh mục công trình cần thực hiện bảo trì hàng năm.

4. Các cơ quan có liên quan bao gồm:

a) Sở Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện bảo trì và đánh giá sự an toàn trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình giao thông.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện bảo trì và đánh giá sự an toàn trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình thủy lợi, đê điều và các công trình nông nghiệp chuyên ngành khác.

c) Sở Công Thương hướng dẫn thực hiện bảo trì và đánh giá sự an toàn trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình đường dây tải điện, trạm biến áp, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, chế tạo máy và các công trình công nghiệp chuyên ngành khác, trừ công trình công nghiệp vật liệu xây dựng.

d) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh hướng dẫn thực hiện bảo trì đối với công trình thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

đ) Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện bảo trì đối với công trình thông tin, truyền thông.

e) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện bảo trì đối với công trình di tích lịch sử văn hóa.

f) Ban quản lý các KCN dẫn thực hiện bảo trì đối với công trình xây dựng trong khu công nghiệp.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm bố trí vốn để thực hiện bảo trì công trình thuộc sở hữu nhà nước do huyện quản lý theo phân cấp; Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm bố trí vốn ngân sách hoặc huy động vốn hợp pháp, vốn nhà nước và nhân dân cùng làm để thực hiện bảo trì công trình thuộc sở hữu nhà nước do xã quản lý theo phân cấp. Trong đó, hằng năm thực hiện bố trí kinh phí bảo trì trong dự toán kinh phí của đơn vị quản lý, sử dụng công trình trên cơ sở định mức chi phí theo tỷ lệ phần trăm (%) như hướng dẫn tại Phụ lục Thông tư 03/2017/TT-BXD.

## **Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Chủ đầu tư; chủ sở hữu; người quản lý, sử dụng công trình xây dựng và thủ trưởng cơ quan chủ quản công trình có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành về bảo trì công trình xây dựng.

2. Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Giám đốc các Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm phổ biến Quy định này đến các chủ đầu tư, chủ sở hữu, chủ quản lý sử dụng công trình biết để thực hiện.

3. Những nội dung liên quan về bảo trì công trình xây dựng không quy định tại Quy định này thì được thực hiện theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định pháp luật khác liên quan hiện hành.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành các văn bản có quy định khác nội dung Quy định này, thì thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo với UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lý Thái Hải**

